

Thứ năm, ngày 29 tháng 2 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/3/2024		●	
Tuần 26/02 - 01/03/2024		●	
Tháng 2/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bật tăng ngay từ khi mở cửa phiên sáng, tuy nhiên sau khi chạm ngưỡng kháng cự 1,265, VN-Index đã bị áp lực chốt lời đẩy trở lại và kết phiên tại ngưỡng 1,252.73 điểm, đi ngang so với hôm qua. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng; 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Thực phẩm và đồ uống, Tài nguyên cơ bản... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, VN-Index đang chứng lại sau ba phiên tăng điểm mạnh trước đó. Tuy nhiên, thanh khoản đang trở lại và ủng hộ đà tăng của chỉ số trở về vùng kháng cự 1,280 – 1300.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động ngược chiều với đà tăng của VN30, ngoại trừ VN30F2406. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/2/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-1.82** điểm, đóng cửa **1252.73** điểm. HNX-Index **+0.29** điểm, đóng cửa **235.46** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.76)**, **HPG (+0.58)**, **KDH (+0.47)**, **SSI (+0.34)**, **MWG (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.25)**, **VHM (-1.05)**, **VRE (-0.7)**, **VIC (-0.56)**, **CTG (-0.52)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24421** tỷ đồng, tăng **15.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **26137** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **22.4** điểm. Thị trường có **214** mã tăng, **80** mã tham chiếu, **262** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-388.5** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM(-211.33 tỷ)**, **VRE(-172.25 tỷ)**, **VNM(-115.56 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-39.28** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.35%**. Các mã diễn biến tích cực: **KDH (+6.94%)**, **NLG (+3.66%)**, **VGC (+3.17%)**
- BSC50 **-0.02%**. Các mã diễn biến tích cực: **FRT (+6.38%)**, **SSI (+2.49%)**, **CTR (+2.44%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Bán lẻ	2.50%	Du lịch và Giải trí	-0.21%
Dịch vụ tài chính	1.12%	Hóa chất	-0.44%
Thực phẩm và đồ uống	0.99%	Điện, nước & xăng	-0.45%
Tài nguyên Cơ bản	0.86%	Ngân hàng	-0.53%
Xây dựng và Vật liệu	0.73%	Dầu khí	-0.62%
Bảo hiểm	0.54%	Truyền thông	-0.73%
Công nghệ Thông tin	0.38%	Bất động sản	-0.88%
Hàng & Dịch vụ Công	0.23%		
Y tế	0.17%	VNMID	0.53%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.12%	VN30	0.03%
Ô tô và phụ tùng	-0.05%	VNSML	-0.28%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1252.73**
Giá trị: 24420.71 tỷ **-1.82 (-0.15%)**
Khối ngoại (ròng): -388.5 tỷ

HNX-INDEX **235.46**
Giá trị: 1905.95 tỷ **0.29 (0.12%)**
Khối ngoại (ròng): -39.28 tỷ

UPCOM-INDEX **90.63**
Giá trị: 611.79 tỷ **0.09 (0.09%)**
Khối ngoại (ròng): 8.16 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.5	-0.48%
Giá vàng	2,034	0.21%
Tỷ giá USD/VND	24,645	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,727	0.11%
Tỷ giá JPY/VND	164.52	0.62%
LS liên NH 1 tháng	2.14%	
LS TPCP 5 năm	1.57%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	179.19	VHM	-211.33
HPG	91.06	VRE	-172.25
NLG	56.25	VNM	-115.56
KDH	48.14	HCM	-97.70
KBC	40.39	FUEVFVND	-71.81

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 28/02/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.49	-0.48%	0.75%	2.37%	0.85%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	83.61	-0.05%	0.69%	2.17%	-0.10%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.27	-3.36%	-0.89%	0.05%	-14.96%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.87	3.45%	0.40%	-10.46%	-36.45%		
TTF Gas	EUR/MWh	25.62	5.03%	6.85%	-9.07%	-45.59%		
Vàng	Ounce	2,033.80	0.21%	0.44%	0.10%	10.72%		PNJ
Bạc	Ounce	22.46	0.13%	-1.81%	-3.09%	6.97%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,132.75	0.13%	-2.41%	-5.15%	-24.19%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.24	7.01%	6.55%	13.27%	-2.87%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	161.10	-0.25%	3.47%	5.92%	14.26%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	24.01	0.71%	5.45%	2.04%	16.72%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	405.00	0.00%	0.25%	1.25%	5.47%		DPM, DCM
Niken	LB	17,226.00	1.74%	6.91%	6.48%	-29.95%		PC1
Đồng	LB	3.83	-0.02%	-1.23%	-1.33%	-8.06%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,190.00	-0.45%	-5.60%	-7.98%	-20.94%		CSV
Thép	CNY/ton	3,781.00	0.69%	0.43%	-4.33%	-9.98%		HPG
Nhôm	Ton	2,192.00	0.02%	-1.24%	-3.20%	-9.85%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent giao sau giảm 1.22 USD, tương đương 0.05%, xuống 83.61 USD/thùng. Dầu thô West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ giao tháng 3/2024 giảm 1.01 USD, tương đương 0.48%, xuống 78.49 USD/thùng.
- Giá dầu quay đầu giảm trong phiên giao dịch trầm lắng cùng với ngày nghỉ lễ Tổng thống ở Mỹ và những lo lắng về nhu cầu toàn cầu bù đắp hỗ trợ giá từ cuộc xung đột Israel-Hamas.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.21% lên 2,033.8 USD/ounce vào lúc 18:52 GMT. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.8% lên 2,039.8 USD.
- Giá vàng đã tăng lên mức cao nhất trong hơn một tuần khi USD giảm, trong khi tập trung chú ý vào biên bản cuộc họp chính sách tiền tệ mới nhất của Fed để thấy các tín hiệu về việc cắt giảm lãi suất hơn nữa, dự kiến công bố vào hôm nay.

Giá Quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc chốt phiên giảm 5.41% xuống 909.5 nhân dân tệ (126.35 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 1/11. Quặng sắt kỳ hạn tháng 3/2024 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 4.39% xuống 121.8 USD/tấn vào lúc 0722 GMT, thấp nhất kể từ ngày 8/11/2023.
- Giá quặng sắt kỳ hạn giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 3 tháng, do lo ngại gia tăng về triển vọng nhu cầu từ Trung Quốc bất chấp động thái mới nhất nhằm vực dậy thị trường bất động sản.

Giá hàng hóa khác

- Giá lúa mì kỳ hạn tại Chicago đã tăng 4% khỏi mức thấp nhất do hoạt động mua ngắn hạn khi USD yếu, căng thẳng địa chính trị và mùa trồng trọt mùa xuân.
- Giá ngô tại Chicago tăng nhẹ vào cuối phiên giao dịch sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong hơn ba năm, các thương nhân cho biết.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	97.3	-0.1%	0.6	22,084	7.5	5,910	16.5	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	53.0	-1.7%	0.9	12,269	2.9	3,781	14.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.9	0.0%	1.1	6,412	13.8	1,267	15.7	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	42.2	0.0%	1.1	6,036	15.5	5,111	8.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.2	-1.0%	1.1	5,114	23.6	3,966	6.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.6	0.5%	1.0	2,415	30.4	4,094	7.7	31,200	24.0%	Link
GVR	BDS KCN	28.6	-1.0%	1.5	4,646	5.8	646	44.3	19,100	0.4%	Link
KBC	BDS KCN	31.0	-0.6%	1.6	966	10.0	2,606	11.9	42,500	20.9%	Link
IDC	BDS KCN	58.9	0.3%	1.1	789	6.2	4,221	14.0	45,900	20.4%	Link
VGC	BDS KCN	55.4	3.2%	1.3	1,009	5.9	2,717	20.4	-	5.2%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	31.0	1.3%	1.3	7,320	42.3	1,176	26.4	23,300	25.3%	Link
VHM	Bất động sản	43.4	-2.3%	1.3	7,674	19.5	7,607	5.7	79,900	22.5%	Link
VRE	BDS	26.5	-4.7%	1.1	2,445	23.2	1,940	13.7	38,900	29.8%	Link
KDH	BDS	34.6	6.9%	1.4	1,125	19.6	897	38.6	44,100	37.6%	Link
NLG	BDS	39.6	3.7%	1.3	619	12.9	1,257	31.5	46,100	44.7%	Link
DGC	Hóa chất	112.0	1.4%	1.4	1,727	14.0	8,146	13.7	85,000	19.5%	Link
DPM	Phân bón	34.8	-0.4%	1.3	552	2.5	1,361	25.5	41,000	9.0%	Link
DCM	Phân bón	33.8	-0.9%	1.5	726	4.2	2,091	16.1	36,000	10.0%	Link
GAS	Dầu khí	77.4	-0.8%	0.8	7,219	3.9	5,053	15.3	110,500	2.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.8	-1.0%	1.0	1,850	1.2	2,213	16.2	45,000	17.2%	Link
PVS	Dầu khí	36.8	-1.1%	0.8	714	7.8	1,812	20.3	38,500	18.9%	Link
PVD	Dầu khí	30.9	0.3%	1.0	698	8.0	1,035	29.9	29,000	23.5%	Link
POW	Tiện ích	11.6	-1.3%	0.8	1,108	3.1	459	25.4	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	72.0	-0.3%	0.8	6,111	19.1	4,246	17.0	81,700	52.9%	Link
MSN	F&B	70.4	3.1%	1.7	4,091	23.7	293	240.6	27,700	27.6%	Link
MWG	Bán lẻ	46.2	2.0%	1.6	2,744	26.1	115	403.0	63,800	44.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	90.4	0.2%	0.5	1,228	4.5	6,011	15.0	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	73.5	2.9%	0.9	670	4.5	4,793	15.3	90,900	32.4%	Link
GMD	Logistics	76.0	1.3%	0.9	944	4.9	7,262	10.5	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	109.0	0.5%	0.7	5,621	12.5	5,095	21.4	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	35.6	-1.1%	1.1	7,752	18.5	3,723	9.5	1.5	297.5%	16.1%
ACB	Ngân hàng	28.0	0.0%	0.8	4,416	11.3	4,131	6.8	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	23.3	0.4%	0.8	2,737	5.7	3,482	6.7	1.5	19.6%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.1	-1.2%	0.7	1,776	2.1	2,179	7.8	1.3	1.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	21.9	-0.9%	1.2	2,256	5.7	3,376	6.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	22.6	0.2%	1.6	1,120	28.6	1,662	13.6	1.7	21.8%	3.8%
TPB	Ngân hàng	19.8	-0.7%	1.0	1,775	24.3	2,027	9.8	1.3	29.0%	19.8%
SSI	chứng khoán	37.0	2.5%	1.2	2,252	64.9	1,529	24.2	2.4	43.9%	9.0%
CII	Xây dựng	18.5	-1.1%	1.7	239	7.8	589	31.4	-0.6	5.9%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.5	-0.9%	1.5	0	0.5	431	26.7	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	66.7	-0.7%	0.9	271	4.0	1,894	35.2	0.8	44.1%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.4	-1.0%	1.3	257	3.3	777	19.8	0.8	0.0%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.0	-0.8%	1.4	100	3.5	635	20.5	1.0	3.3%	3.8%
BCM	KCN	63.3	-0.2%	0.9	2,660	2.2	2,359	26.8	3.6	1.9%	1.7%
HUT	KCN	19.2	1.6%	1.7	696	3.6	45	427.2	1.9	0.0%	1.3%
PHR	KCN	55.7	-1.9%	1.1	306	1.7	4,592	12.1	2.1	16.2%	26.9%
SZC	KCN	43.2	0.0%	1.4	315	3.7	1,827	23.6	3.0	2.5%	10.9%
HSG	Vật liệu	22.8	-0.7%	1.7	569	9.0	1,321	17.2	1.3	23.3%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.2	-1.1%	1.4	205	0.1	44	298.9	1.1	3.3%	1.3%
NKG	Vật liệu	24.0	-0.8%	1.6	256	8.4	464	51.6	1.2	13.8%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.6	0.9%	0.5	157	0.7	4,368	13.2	1.4	21.3%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.7	-0.8%	1.6	119	2.0	1,066	24.1	1.0	2.8%	5.8%
NVL	BDS	17.1	0.6%	2.0	1,354	21.2	413	41.4	0.9	3.7%	1.9%
DXG	BDS	18.2	1.1%	2.0	534	10.0	245	74.6	1.4	12.6%	3.4%
HDC	BDS	30.9	0.3%	1.5	170	3.6	972	31.8	2.2	0.9%	16.9%
DIG	BDS	27.3	1.1%	1.8	676	31.1	283	96.4	2.2	5.4%	1.1%
IJC	BDS	14.8	0.3%	1.6	226	1.8	1,569	9.4	1.0	4.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.9	-1.5%	1.2	0	5.1	2,745	7.3	1.1	0.0%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.8	-0.7%	0.8	352	3.6	2,998	8.9	1.2	12.8%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.0	-1.8%	1.3	105	0.1	1,333	24.0	2.0	1.0%	8.5%
DRC	Săm lốp	32.8	1.2%	0.8	158	1.0	2,086	15.7	2.1	11.6%	13.5%
REE	Tiện ích	61.2	0.0%	0.8	1,016	2.4	5,353	11.4	1.5	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.3	-1.1%	1.9	771	15.9	389	57.4	1.6	9.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.6	-1.0%	0.9	300	0.9	1,718	14.9	1.7	12.7%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.6	-0.4%	1.2	330	1.8	2,327	11.4	1.4	18.4%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.8	0.2%	1.4	350	6.6	439	63.2	2.2	8.0%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	0.0%	0.8	183	0.2	402	32.8	1.0	37.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.5	-0.4%	1.8	184	2.1	141	60.2	0.6	1.7%	0.3%
SAB	F&B	58.5	1.4%	0.9	3,047	6.3	3,210	18.2	3.2	61.3%	18.7%
QNS	F&B	48.4	0.0%	0.7	0	1.1	6,134	7.9	2.0	15.5%	24.3%
FRT	Bán lẻ	145.0	6.4%	0.7	802	4.4	(2,537)	-57.2	14.0	36.0%	11.8%
DGW	Bán lẻ	55.8	0.7%	1.5	378	4.2	2,121	26.3	3.7	22.9%	21.9%
DBC	F&B	29.9	-1.0%	1.4	294	13.1	103	289.4	1.6	3.7%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.0	0.4%	1.3	108	0.2	942	26.5	1.5	0.0%	5.7%
BAF	F&B	26.8	0.2%	0.4	156	3.7	139	193.1	2.3	0.9%	10.2%
ANV	Thủy sản	34.6	1.8%	1.3	187	4.3	314	110.1	1.8	2.3%	10.0%
VSC	Logistics	22.5	-1.5%	1.3	244	6.4	946	23.8	1.0	1.6%	7.9%
HAH	Logistics	42.0	-1.8%	1.5	180	8.6	3,648	11.5	1.7	5.0%	24.6%
CTR	Công nghệ	105.0	2.4%	0.9	488	1.3	4,515	23.3	6.1	11.0%	32.1%
TNG	Dệt may	21.3	-0.5%	1.1	98	2.4	1,997	10.7	1.5	19.8%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639